



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	3
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25 tháng 07 năm 2013 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 63 Vĩnh Viễn, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 08.38335798
- Fax: (84) 08.38307141
- Website: www.sachgiaoduchcm.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xuất bản sách (Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà xuất bản khác);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở));
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản));
- Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 36 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 6 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- Bà Nguyễn Thị Chung Chủ tịch
- Bà Nguyễn Thị Lan Phương Ủy viên

Bổ nhiệm ngày 01/07/2011

Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- | | | |
|----------------------|---------|------------------------------|
| • Ông Phạm Cảnh Toàn | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 15/04/2009 |
| • Ông Bùi Tất Tươi | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 29/03/2012 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Phan Xuân Phương | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 22/04/2009 |
| • Bà Huỳnh Thị Thùy Trang | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 22/04/2009 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 22/04/2009 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------------|----------------|------------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Chung | Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2012 |
| • Ông Phạm Cảnh Toàn | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2012 |
| • Ông Nguyễn Tuấn Kiệt | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15/04/2012 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2012 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dnng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc

Nguyễn Thị Chung

TP Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2013





CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính

Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng

Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887

Website: www.aac.com.vn Email: aac@dng.vnn.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tòa nhà Hoàng Đan, 47-49 Hoàng Sa

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349

Số: 823/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013, được lập ngày 12/08/2013 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 4 đến trang 27. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng các Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Trọng Hiếu

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ hành nghề số 0391-2013-010-1

Nguyễn Thị Ánh Nga

Kiểm toán viên

Chứng chỉ hành nghề số 0809-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

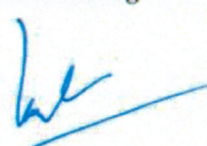
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		63.632.191.816	53.473.639.441
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	2.844.041.567	15.350.780.165
1. Tiền	111		2.844.041.567	2.350.780.165
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	13.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	4.316.000.000	316.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4.468.360.080	468.360.080
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(152.360.080)	(152.360.080)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.004.508.746	18.611.065.683
1. Phải thu khách hàng	131		24.375.222.575	14.878.063.426
2. Trả trước cho người bán	132		138.116.935	4.217.408.779
3. Các khoản phải thu khác	135	8	42.575.758	67.000.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(551.406.522)	(551.406.522)
IV. Hàng tồn kho	140	9	30.476.788.667	17.737.579.820
1. Hàng tồn kho	141		32.654.526.647	19.915.317.800
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.177.737.980)	(2.177.737.980)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.990.852.836	1.458.213.773
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		896.452.505	313.964.634
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	10	423.056.817	765.671.673
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	671.343.514	378.577.466
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.886.903.034	17.095.204.216
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		16.039.678.277	15.955.167.716
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	563.246.495	349.127.743
- Nguyên giá	222		1.545.038.426	1.457.789.590
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(981.791.931)	(1.108.661.847)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	6.455.391.809	-
- Nguyên giá	228		6.455.391.809	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	9.021.039.973	15.606.039.973
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	15	840.000.000	840.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		840.000.000	840.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.007.224.757	300.036.500
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	1.007.224.757	300.036.500
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		81.519.094.850	70.568.843.657

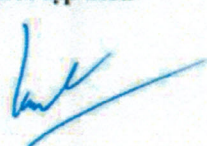
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		34.883.929.725	19.181.825.120
I. Nợ ngắn hạn	310		34.883.929.725	19.181.825.120
1. Phải trả người bán	312		27.992.840.231	12.946.247.390
2. Người mua trả tiền trước	313		187.308.483	2.023.093.633
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	45.841.393	61.784.908
4. Phải trả người lao động	315		1.703.314.634	1.723.943.272
5. Chi phí phải trả	316	18	2.553.357.011	2.273.523.939
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	210.333.877	142.160.757
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.190.934.096	11.071.221
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		46.635.165.125	51.387.018.537
I. Vốn chủ sở hữu	410		46.635.165.125	51.387.018.537
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	41.370.000.000	41.370.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		140.000.000	140.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	414	20	(5.651.552.090)	(5.651.552.090)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	20	2.862.449.329	2.862.449.329
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	20	1.517.632.156	1.517.632.156
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	20	6.396.635.730	11.148.489.142
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		81.519.094.850	70.568.843.657

Giám đốc

Nguyễn Thị Chung
TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2013

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Nguyễn Thị Lan Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	21	45.898.513.246	46.972.282.913
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	131.544.977	453.795.550
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	21	45.766.968.269	46.518.487.363
4. Giá vốn hàng bán	11	22	38.865.062.154	39.129.482.096
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>6.901.906.115</u>	<u>7.389.005.267</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	505.693.383	166.160.652
7. Chi phí tài chính	22	24	-	(1.101.743)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		2.215.407.168	2.217.345.262
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.486.268.920	2.364.361.809
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>2.705.923.410</u>	<u>2.974.560.591</u>
11. Thu nhập khác	31	25	18.090.909	2.490.909
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		<u>18.090.909</u>	<u>2.490.909</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	26	<u>2.724.014.319</u>	<u>2.977.051.500</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	342.614.856	367.538.941
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	26	<u>2.381.399.463</u>	<u>2.609.512.559</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	710	697



Giám đốc

Nguyễn Thị Chung

TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2013

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Nguyễn Thị Lan Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

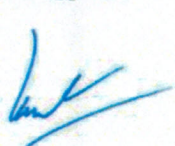
Chỉ tiêu	Mã số	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	35.808.779.424	39.817.392.922
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(35.835.153.209)	(35.862.158.992)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.713.361.725)	(949.228.047)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(81.942.790)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	107.731.635	282.910.110
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.631.308.721)	(1.234.837.482)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.263.312.596)	1.972.135.721
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(236.773.627)	(330.694.405)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	18.090.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	3.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(43.030.080)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.015.200
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	525.718.716	101.240.005
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.692.964.002)	(271.469.280)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	-	(1.367.369.100)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.550.462.000)	(3.066.450.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.550.462.000)	(4.433.819.100)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(12.506.738.598)	(2.733.152.659)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	15.350.780.165	5.087.125.020
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.844.041.567	2.353.972.361

Giám đốc

Nguyễn Thị Chung
TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2013

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Nguyễn Thị Lan Phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25 tháng 07 năm 2013 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xuất bản sách (Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà xuất bản khác);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở));
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản));
- Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; các quy định sửa đổi, bổ sung theo có liên quan và hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

4.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp thuê đất).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.10 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ, được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không có khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang thực hiện

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: áp dụng thuế suất 5%.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% đối với thu nhập từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản, các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Điều chỉnh hồi tố

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2012 (Trình bày lại) VND	Số liệu tại ngày 31/12/2012 (Trình bày lại) VND	Chênh lệch VND
		VND	VND	VND
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	201.308.814	765.671.673	564.362.859
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	10.584.126.283	11.148.489.142	564.362.859

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	6 tháng đầu năm 2012 (Trình bày lại) VND	6 tháng đầu năm 2012 (Trình bày lại) VND	Chênh lệch VND
		VND	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	744.262.875	367.538.941	(376.723.934)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	2.232.788.625	2.609.512.559	376.723.934
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	596	697	101

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty đã điều chỉnh lại chi phí thuế TNDN năm 2012 do điều chỉnh mức thuế suất thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động xuất bản (từ mức thuế suất 25% về mức thuế suất 10%) theo quy định tại Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Công văn số 6833/BTC-CST ngày 29/05/2013 của Bộ Tài chính. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố này làm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2012 và cả năm 2012 giảm lần lượt là 376.723.934 đồng và 564.362.859 đồng. Theo đó, khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” tăng 564.362.859 đồng và khoản mục “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước” giảm tương ứng.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	427.217.625	226.597.983
Tiền gửi ngân hàng	2.416.823.942	2.124.182.182
Tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng kỳ hạn dưới 3 tháng)	-	13.000.000.000
Cộng	2.844.041.567	15.350.780.165

7. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2013		31/12/2012	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	40.000	468.360.080	40.000	468.360.080
- Cổ phiếu C/ty CP Sách GD TP Hà Nội (EBS)	40.000	468.360.080	40.000	468.360.080
Cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vay (*)		4.000.000.000		-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(152.360.080)		(152.360.080)
Cộng		4.316.000.000		316.000.000

(*) Cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vay theo Hợp đồng nguyên tắc vay vốn số 01-2013/HĐVV/NXBGDVN-SGD ngày 11/01/2013 với thời gian tối đa 4 tháng kể từ ngày nhận tiền, lãi suất 12,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

8. Các khoản phải thu khác

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Lãi dự thu khoản cho NXB vay	41.666.667	67.000.000
Phải thu khác	909.091	-
Cộng	42.575.758	67.000.000

9. Hàng tồn kho

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.949.885.231	3.645.329.739
Chi phí SX, KD dở dang	3.031.441.351	1.438.534.788
Thành phẩm	18.673.200.065	14.831.453.273
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.177.737.980)	(2.177.737.980)
Cộng	30.476.788.667	17.737.579.820

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế TNDN nộp thừa	423.056.817	765.671.673
Cộng	423.056.817	765.671.673

11. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng	414.303.520	121.537.472
Ký quỹ ngắn hạn	257.039.994	257.039.994
Cộng	671.343.514	378.577.466

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	-	1.251.310.106	206.479.484	1.457.789.590
Đ/tr XDCB h/thành	365.400.000	-	-	365.400.000
T/lý, nhượng bán	-	56.000.000	-	56.000.000
Giảm theo TT 45	-	15.671.680	206.479.484	222.151.164
Số cuối kỳ	365.400.000	1.179.638.426	-	1.545.038.426
Khấu hao				
Số đầu kỳ	-	970.542.322	138.119.525	1.108.661.847
Khấu hao trong kỳ	29.335.328	40.090.909	-	69.426.237
T/lý, nhượng bán	-	56.000.000	-	56.000.000
Giảm theo TT 45	-	2.176.628	138.119.525	140.296.153
Số cuối kỳ	29.335.328	952.456.603	-	981.791.931
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	-	280.767.784	68.359.959	349.127.743
Số cuối kỳ	336.064.672	227.181.823	-	563.246.495

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2013 là: 698.547.517 đồng.

Không có tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/06/2013.

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	-	-
Đ/tr XDCB h/thành	6.455.391.809	6.455.391.809
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	6.455.391.809	6.455.391.809
Khấu hao		
Số đầu kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Thanh lý nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	-	-
Số cuối kỳ	6.455.391.809	6.455.391.809

Là quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 152,1m², mục đích sử dụng: dùng để xây dựng văn phòng làm việc Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí mua 03 lô đất tại Xã Đa Phước, Huyện Bình Chánh	9.021.039.973	9.021.039.973
Chi phí mua nhà 363 Hưng Phú, Quận 8	-	6.585.000.000
Cộng	9.021.039.973	15.606.039.973

15. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		30/06/2013		31/12/2012
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác	40.000	840.000.000	40.000	840.000.000
- Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng	40.000	840.000.000	40.000	840.000.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn		-		-
Cộng		840.000.000		840.000.000

Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa nhận được Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2013 của Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng. Cổ phiếu của Công ty này cũng chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của nó tại thời điểm 30/06/2013. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc đầu tư và không trích lập dự phòng.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí tổ chức bán thảo	932.620.703	300.036.500
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	74.604.054	-
Cộng	1.007.224.757	300.036.500

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế thu nhập cá nhân	45.841.393	61.784.908
Cộng	45.841.393	61.784.908

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

18. Chi phí phải trả

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Trích trước chi phí bán thảo	2.025.393.560	1.629.192.269
Trích trước chi phí hoa hồng môi giới	527.963.451	604.331.670
Trích trước chi phí kiểm toán	-	40.000.000
Cộng	2.553.357.011	2.273.523.939

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Kinh phí công đoàn	36.140.549	76.785.757
Cổ tức phải trả	150.853.000	3.475.000
Phải trả khác	23.340.328	61.900.000
Cộng	210.333.877	142.160.757

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2012	41.370.000.000	(2.144.544.050)	2.862.449.329	1.517.632.156	4.850.366.548
Tăng trong năm	-	(3.507.008.040)	-	-	9.367.722.594
Giảm trong năm	-	-	-	-	3.069.600.000
Số dư tại 31/12/2012	41.370.000.000	(5.651.552.090)	2.862.449.329	1.517.632.156	11.148.489.142
Số dư tại 01/01/2013	41.370.000.000	(5.651.552.090)	2.862.449.329	1.517.632.156	11.148.489.142
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	2.381.399.463
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	7.133.252.875
Số dư tại 30/06/2013	41.370.000.000	(5.651.552.090)	2.862.449.329	1.517.632.156	6.396.635.730

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	30/06/2013 VND	Tỷ lệ %	31/12/2012 VND
Vốn đầu tư của NXBGD	15,28	6.320.000.000	15,28	6.320.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	65,84	27.236.000.000	65,84	27.236.000.000
Cổ phiếu quỹ	18,88	7.814.000.000	18,88	7.814.000.000
Cộng	100%	41.370.000.000	100%	41.370.000.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2013 Cổ phiếu	31/12/2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu thường	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	781.400	781.400
- Cổ phiếu thường	781.400	781.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.355.600	3.355.600
- Cổ phiếu thường	3.355.600	3.355.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

d. Cổ phiếu quỹ

Nhằm mục đích bình ổn giá cổ phiếu SGD trên thị trường. Công ty đã mua lại 781.400 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ từ ngày 07/12/2009 đến ngày 21/09/2012.

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	11.148.489.142	4.850.366.548
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận năm trước	-	-
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.381.399.463	9.366.972.594
Phân phối lợi nhuận năm trước	7.133.252.875	3.069.600.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.967.064.245	-
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	468.348.630	-
- Chia cổ tức	4.697.840.000	3.069.600.000
Hoàn nhập cổ tức năm 2006 trích thừa vào lợi nhuận sau thuế	-	750.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.396.635.730	11.148.489.142

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2012 theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 số 02/NQ ngày 29/03/2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

21. Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Tổng doanh thu	45.898.513.246	46.972.282.913
+ Doanh thu bán sách giáo khoa, sách tham khảo	45.881.052.902	46.672.036.549
+ Doanh thu bán giấy ruột	17.460.344	246.364
+ Doanh thu hoạt động khác	-	300.000.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	131.544.977	453.795.550
+ Hàng bán bị trả lại	131.544.977	453.795.550
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.766.968.269	46.518.487.363

22. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	38.858.573.672	39.125.041.032
Giá vốn giấy ruột	6.488.482	241.064
Giá vốn hoạt động khác	-	4.200.000
Cộng	38.865.062.154	39.129.482.096

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	460.385.383	101.240.005
Cổ tức, lợi nhuận được chia	40.000.000	-
Chiết khấu thanh toán nhanh	5.308.000	64.920.647
Cộng	505.693.383	166.160.652

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

24. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Chiết khấu thanh toán	-	22.319.377
Lỗ đầu tư tài chính	-	77.850
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	-	(23.498.970)
Cộng	-	(1.101.743)

25. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Thu thanh lý công cụ dụng cụ	-	2.490.909
Thanh lý TSCĐ	18.090.909	-
Cộng	18.090.909	2.490.909

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.724.014.319	2.977.051.500
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(40.000.000)	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	40.000.000	-
Tổng thu nhập chịu thuế	2.684.014.319	2.977.051.500
- Thu nhập từ hoạt động xuất bản	2.189.258.165	2.511.492.896
- Thu nhập từ các hoạt động khác	494.756.154	465.558.604
Thuế thu nhập doanh nghiệp	342.614.856	367.538.941
- Thuế TNDN của hoạt động xuất bản (10%)	218.925.817	251.149.290
- Thuế TNDN của hoạt động khác (25%)	123.689.039	116.389.651
Thuế TNDN được giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	342.614.856	367.538.941
Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.381.399.463	2.609.512.559

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.381.399.463	2.609.512.559
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	2.381.399.463	2.609.512.559
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.355.600	3.744.822
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	710	697

28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.134.991.446	13.220.921.196
Chi phí nhân công	1.756.104.490	1.633.510.603
Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.426.237	101.261.711
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.124.247.320	10.997.810.279
Chi phí khác bằng tiền	2.251.979.692	1.414.255.860
Cộng	34.336.749.185	27.367.759.649

29. Công cụ tài chính

a) Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b) Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Để giảm thiểu rủi ro này Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hoá các nguồn cung cấp của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty bao gồm các công ty trong Tập đoàn Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các đại lý, Sở giáo dục, trường học..., các công ty không nằm trong Tập đoàn Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các công ty trong Tập đoàn Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.
- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở giáo dục, trường học, các công ty không thuộc Tập đoàn Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán. Theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Ban Giám đốc Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	27.992.840.231	-	27.992.840.231
Chi phí phải trả	2.553.357.011	-	2.553.357.011
Phải trả khác	174.193.328	-	174.193.328
Cộng	<u>30.720.390.570</u>	<u>-</u>	<u>30.720.390.570</u>
31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	12.946.247.390	-	12.946.247.390
Chi phí phải trả	2.273.523.939	-	2.273.523.939
Phải trả khác	65.375.000	-	65.375.000
Cộng	<u>15.285.146.329</u>	<u>-</u>	<u>15.285.146.329</u>

Ban Giám đốc cho rằng rủi ro thanh khoản của Công ty ở mức trung bình và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.844.041.567	-	2.844.041.567
Đầu tư tài chính	4.316.000.000	840.000.000	5.156.000.000
Phải thu khách hàng	23.823.816.053	-	23.823.816.053
Phải thu khác	41.666.667	-	41.666.667
Tài sản tài chính khác	257.039.994	-	257.039.994
Cộng	<u>31.282.564.281</u>	<u>840.000.000</u>	<u>32.122.564.281</u>
31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.350.780.165	-	15.350.780.165
Đầu tư tài chính	316.000.000	840.000.000	1.156.000.000
Phải thu khách hàng	14.326.656.904	-	14.326.656.904
Phải thu khác	67.000.000	-	67.000.000
Tài sản tài chính khác	257.039.994	-	257.039.994
Cộng	<u>30.317.477.063</u>	<u>840.000.000</u>	<u>31.157.477.063</u>

30. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh sách và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

31. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hà Nội	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
CN NXBGD tại TP. Cần Thơ	Công ty đầu tư
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TB Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật & Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách dịch & Từ Điển Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Bán hàng		
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Cung ứng sách tham khảo	302.301.927
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	Cung ứng sách tham khảo	734.306.542
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Cung ứng sách tham khảo	2.169.906.400
Công ty CP Học liệu (EMCO)	Cung ứng sách tham khảo	465.514.857
Công ty CP Sách & TB Bình Thuận	Cung ứng sách tham khảo	165.127.324
Công ty CP Sách TBTH TP Hồ Chí Minh	Cung ứng sách tham khảo	453.474.455
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Cung ứng sách tham khảo	12.271.235.830
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Cung ứng sách tham khảo	118.566.920
Công ty CP Sách & TBGD Cửu Long	Cung ứng sách tham khảo	500.000.000
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Cung ứng sách tham khảo	194.961.480
Mua hàng		
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Nhập giấy, tem	7.178.420.900
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	Nhập tem, phí q/ly XB	858.735.000
Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục	Nhập sách tham khảo	1.645.525.840
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	Nhập sách, tiền bản thảo	1.026.356.665
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Nhập sách tham khảo	3.224.552.940
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	Nhập sách tham khảo	373.379.260
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Đà Nẵng	Nhập sách tham khảo	662.175.960
Công ty CP Sách Dân Tộc	Nhập sách, tiền bản thảo	1.661.192.280
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Nhập sách	2.402.356.248
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	Nhập sách tham khảo	278.802.994
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Nhập sách, tiền bản thảo	1.691.938.100
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Gia Định	Nhập sách, tiền bản thảo	270.785.360
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Nhập sách	2.877.675.883
Công ty CP Mỹ thuật & Truyền thông	Nhập sách tham khảo	88.776.865
Giao dịch khác		
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Cho vay	7.000.000.000
	Lãi cho vay	41.666.667

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Số dư với các bên liên quan

Công ty liên quan	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu khách hàng		
CN NXBGD tại TP. Cần Thơ	15.519.832	13.119.832
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	490.024.071	2.798.822.254
Công ty CP Học liệu (EMCO)	227.574.123	327.574.123
Công ty CP Sách & TB Bình Thuận	165.152.124	237.704.782
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	108.802.788	184.369.265
Công ty CP Sách TBTH TP Hồ Chí Minh	387.609.768	219.022.929
Công ty CP Sách & TBGD Cửu Long	326.178.607	514.817.547
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	6.098.365.844	39.975.296
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	111.092.420	-
Công ty CP Sách dịch & Từ Điển Giáo dục	251.530.753	399.123.268
Phải trả cho người bán		
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	6.927.447.126	99.328.153
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	1.059.785.893	176.255.490
NXBGD tại TP. Hà Nội	-	306.249.467
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	42.978.890	142.841.500
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	754.968.580	596.233.580
Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục	1.215.234.171	571.972.731
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	1.530.893.115	1.235.796.175
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	775.868.770	852.019.963
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Đà Nẵng	649.659.082	137.483.122
Công ty CP Sách Dân Tộc	1.355.946.787	422.419.328
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	270.505.487	191.702.493
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	-	116.819.723
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Gia Định	336.916.032	117.269.472
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Hà Nội	2.779.619.275	2.487.681.175
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	641.800.600	1.291.800.600
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	1.296.927.750	2.617.550
Công ty CP Mỹ thuật & Truyền thông	95.982.253	157.205.388
Cho vay ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	4.041.666.667	-
- Tiền cho vay	4.000.000.000	-
- Lãi dự thu	41.666.667	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

d. Giao dịch khác

6 tháng đầu
năm 2013
VND

Ban Giám đốc
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Tiền lương, tiền thưởng
Tiền thù lao

549.919.000
92.400.000

32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

33. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012. Các Báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.


Giám đốc

Nguyễn Thị Chung
Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2013

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu



Nguyễn Thị Lan Phương